TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYÊN
TỈNH AN GIANG

Bản án: 58/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 21/7/2017
V/v tranh chấp ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Châu.

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Lê Thành Thật

+ Ông Phan Bảo Duy

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Xuân Thu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên***: Bà Nguyễn Mỹ Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 43/2017/TLST–HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2017 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2017/QĐXXST – HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2017/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2017 và Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 05/2017/TB-TA ngày 30 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Huỳnh Thị Mỹ D**, sinh năm 1985 (Có mặt)
   Nơi cư trú: ấp A, xã B, thành phố H, tỉnh An Giang.
2. Bị đơn: Anh **Trần Văn T**, sinh năm 1981 (Vắng mặt)
   Nơi cư trú:ấp A, xã B, thành phố H, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/02/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Mỹ D trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn T do quen biết, sau đó tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới năm 2002 và đăng ký kết hôn ngày 03/6/2004 tại UBND xã Mỹ Hòa Hưng, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Hôn nhân lần thứ nhất của cả hai.

Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do cuộc sống không hạnh phúc, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên anh chị cũng đã ly thân từ năm 2004. Nay nhận thấy không thể hàn gắn, nếu tiếp tục chung sống cũng không mang lại hạnh phúc nên chị yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh Tèo.

- Về quan hệ con chung: Chị và anh T có một con chung tên Trần Thị Bích H, sinh ngày 23/9/2003. Do cháu có nguyện vọng được chung sống với anh T nên sau khi ly hôn chị để cháu cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng và chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Nhưng tại phiên tòa, chị D có ý kiến tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 3.000.000đ/tháng cho đến khi con chung trưởng thành.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị và anh T không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn anh Trần Văn T** không gửi tự khai trình bày ý kiến cho Tòa án và vắng mặt suốt trong quá trình giải quyết đối với vụ án nên không có ý kiến trình bày.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên có ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các trình tự theo qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng qui định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án không có văn bản trình bày ý kiến; không tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, mặc dù tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho ông đúng theo quy định của pháp luật là không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 nên Hội đồng xét xử vắng mặt là đúng qui định pháp luật.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn; giao con chung cho bị đơn nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 3.000.000đ/tháng đến khi con chung trưởng thành; về tài sản chung và nợ chung không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Trần Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Tèo.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Mỹ D và anh Trần Văn T kết hôn lần thứ nhất trên cơ sở tự nguyện vào năm 2002 và đăng ký kết hôn ngày 03/6/2004 tại

UBND xã Mỹ Hòa Hưng, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo qui định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nay vợ chồng chị D, anh T phát sinh mâu thuẫn, chị D xin ly hôn nên Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp các qui định của pháp luật tại khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị D cho rằng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2004. Nguyên nhân do cuộc sống không hạnh phúc, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên anh chị cũng đã ly thân từ năm 2004. Nay nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng, nên chị yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh T.

Qua trình bày của chị D, Hội đồng xét xử xét thấy chị D và anh T phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân từ năm 2004. Tại phiên tòa hôm nay, chị D vẫn kiên quyết xin ly hôn vì không còn tình cảm vợ chồng với anh T; cũng như việc cả anh T và chị đều đã có cuộc sống riêng, không ai liên lạc với nhau để vợ chồng đoàn tụ. Do đó, cho thấy trong suốt thời gian dài qua, chị D và anh T không tạo điều kiện thăm nom, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong quá trình Tòa án xem xét giải quyết vụ án, anh T không cung cấp ý kiến và không đến Tòa án tham dự phiên hòa giải, phiên tòa thể hiện chưa có sự quan tâm đối với yêu cầu ly hôn của chị D. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D.

[3] Về quan hệ con chung: Chị D trình bày, chị và anh T có một con chung tên Trần Thị Bích H, sinh ngày 23/9/2003. Do cháu có nguyện vọng được chung sống với anh T nên sau khi ly hôn chị để cháu cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng và chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy, theo biên bản xác minh ngày 25 tháng 5 năm 2017 tại UBND xã Mỹ Hòa Hưng, thành phố Long Xuyên thể hiện: cháu Bích H - con chung của anh T và chị D - thời gian qua và hiện tại do anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Đồng thời, cháu Bích H có nguyện vọng được sống với cha vì cháu đã được anh T chăm sóc từ nhỏ (theo tờ trình bày ý kiến nguyện vọng con chung ngày 17/02/2017). Nay chị D cũng có ý kiến cháu Bích H được anh T chăm sóc nuôi dưỡng tốt thời gian qua nên chị đồng ý để cháu Bích H cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó, xét về quyền lợi mọi mặt của con chung và để ổn định về sinh hoạt, mặt tâm lý cho con chung, Hội đồng xét xử xét thấy việc chị D yêu cầu để anh T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là có cơ sở chấp nhận. Do anh T không có ý kiến về việc có hay không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; nhưng tại phiên tòa chị D có ý kiến tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 3.000.000đ/tháng cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Hội đồng xét xử xét thấy việc chị D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện và không trái qui định pháp luật nên cần được ghi nhận.

Anh Trần Văn T phải tạo điều kiện cho chị Huỳnh Thị Mỹ D thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

[4] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Theo chị D thì chị và anh T không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết. Nếu sau này chị D và anh T có phát sinh tranh chấp về tài sản chung, nợ chung sẽ được Tòa án thụ lý và giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí sơ thẩm:

Chị Huỳnh Thị Mỹ D phải nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm và và phải nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con. Được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010640 ngày 06/02/2017 của Chi cục thi hành án dân sự Tp.Long Xuyên, chị D phải nộp thêm số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử vắng mặt anh Trần Văn T.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Huỳnh Thị Mỹ D được ly hôn với anh Trần Văn T.

[2] Về quan hệ con chung: Chị Huỳnh Thị Mỹ D và anh Trần Văn T có một con chung tên Trần Thị Bích H, sinh ngày 23/9/2003.

Anh Trần Văn T được tiếp tục nuôi Trần Thị Bích H, sinh ngày 23/9/2003.

Chị Huỳnh Thị Mỹ D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng)/tháng, kể từ khi bản án có hiệu lực cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi theo từng thời điểm do pháp luật qui định.

Anh Trần Văn T phải tạo điều kiện cho chị Huỳnh Thị Mỹ D thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

[3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị Mỹ D phải chịu số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm và phải nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con. Được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010640 ngày 06/02/2017 của Chi cục thi hành án dân sự Tp.Long Xuyên, chị D phải nộp thêm số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

[5] Chị Huỳnh Thị Mỹ D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích Điều 26 Luật Thi hành án dân sự)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TP. Long Xuyên;
- Chi cục THADS TP. Long Xuyên;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án và văn phòng./.

Phạm Thị Minh Châu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND.TPLX;
- Đương sự ;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./ .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Minh Châu